TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 29 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyến và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 178/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Thị P, sinh ngày 16/8/1981 tại huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã L, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: tổ 3, khu L, phường P, thành phố U, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Vũ Thị N; có chồng là Phạm Văn M (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Ngày 04/6/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 05 năm tù về tội: "Chứa mại dâm", tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng và buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo đã thi hành xong các khoản tiền phải nộp, nhưng chưa chấp hành hình phạt tù); tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/10/2018 đến ngày 10/10/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

Những người làm chứng:

1) Chị Sầm Thị X, sinh ngày: 22/3/2000; địa chỉ: thôn Khe Xanh, xã Gia Hội, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2) Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 07/12/1995; địa chỉ: thôn Mới, Xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3) Anh Bùi Hữu P, sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn 2, xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyễn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4) Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1991; địa chỉ: thôn 2, xã Cao Nhân, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5) Anh Phạm Văn M, sinh năm: 1982; địa chỉ: đội 4, xã Lưu Kỳ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6) Anh Phạm Văn D; sinh năm: 1995; địa chỉ: tổ 22, khu gác 2, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7) Ông Trần Công C, sinh năm: 1958; địa chỉ: tổ 4, khu Bí Trung 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Hoàng Văn T; sinh năm: 1953; địa chỉ: tổ 2, khu Liên Phương, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/10/2018, Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an thành phố Uông Bí tiến hành kiểm tra tại số nhà 350, tổ 3, khu Liên Phương, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Vũ Thị P thuê để mở quán cà phê. Qua kiểm tra phát hiện bắt quả tang P đang chứa chấp tại phòng số 6 có chị Nguyễn Thị N và Phạm Văn H, tại phòng số 3 có Bùi Hữu P và Sầm Thị X đang thực hiện việc mua bán dâm. Việc bắt giữ P có sự chứng kiến của ông Hoàng Văn T và anh Phạm Văn D. Thu tại phòng số 3 và phòng số 6 có 02 bao cao su đã qua sử dụng (mỗi phòng 01 bao); thu của P 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Vũ Thị P khai nhận: Ngày 22/8/2018, P đến thuê nhà của ông Trần Công C thuộc khu vực Liên Phương, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí. Sau đó sửa ngăn vách làm 06 phòng. Phương sử dụng 01 phòng, còn 05 phòng cho nữ nhân viên ở để bán cà phê, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì sẽ bố trí cho nhân viên bán dân tại quán. Ngày 30/9/2018, có chị Nguyễn Thị N, Phạm Thị P, Sầm Thị X và Cụt Thị V đến xin việc. P thỏa thuận với chị N và chị X mỗi lần bán dâm cho khách tại quán, P thu tiền của khách là 250.000đ/người/lượt, P trả cho N 130.000đ/người/lượt, X là 120.000đ/người/lượt, nuôi ăn hai bữa. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/10/018, có 03 nam thanh niên đến quán, sau này P biết tên là H, P và Phạm Văn D. H đặt vấn đề mua dâm, P thỏa thuận với anh H 250.000đồng một lần mua dâm, H đồng ý và đưa cho P 600.000 đồng để anh H và anh P mua dâm và 100.000đồng trả tiền uống nước. P nhận tiền rồi bố trí chị N bán dâm cho anh H ở phòng số 6, chị X bán dâm cho anh P ở phòng số 3. Khoảng 20 giờ cùng ngày khi 02 đôi nam nữ đang quan hệ tình dục trong phòng thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang. P là người quản lý, điều hành trực tiếp tại quán, không có ai tham gia cùng. Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị bệnh thường xuyên phải điều trị, nhiều người thân trong gia đình của bị cáo cũng đã mất, chồng đã ly hôn, một mình bị cáo đang nuôi con nhỏ, điều kiện kinh tế khó khăn.

Giai đoạn điều tra, các đối tượng mua dâm là Phạm Văn H, Bùi Hữu P khai nhận: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 01/10/2018, H, P và anh D từ nhà ở xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sang quán cà phê của Vũ Thị P thuê. H là người đặt vấn đề mua dâm. P thỏa thuận với H một lần mua dâm là 250.000đ/người, H đồng ý và đưa cho P 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) trong đó có 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để P bố trí 2 gái bán dâm là chị X và chị N bán dâm cho H và P, còn 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để mua nước uống. D không mua dâm mà ngồi bên ngoài đợi. Trong khi 4 người này đang quan hệ tình dục ở phòng số 3 và phòng số 6 thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang. Các đối tượng bán dâm là Nguyễn Thị N và Sầm Thị X khai: Bản thân mình là nhân viên của quán do P làm chủ và thoả thuận với P mỗi lần bán dâm P thu tiền của khách và trả cho X 120.000đ/người/lượt, trả cho N 130.000đ/người/lượt. Đến khoảng 19 giờ 50 phút ngày 01/10/2018, trong khi X đang bán dâm (quan hệ tình dục) với P, N đang bán dâm (quan hệ tình dục) với H tại quán của P thì bị bắt quả tang. Cả X và N đều chưa nhận được tiền do P trả.

Giai đoạn điều tra, anh Phạm Văn D đã khai báo toàn bộ quá trình mình cùng H và P đến quán của P thuê để chơi. H thoả thuận với P để H và P mua dâm với nhân viên của quán và đang quan hệ tình dục thì bị Công an bắt quả tang, còn bản thân mình không tham gia mua dâm mà chỉ ngồi bên ngoài đợi. Ông Hoàng Văn T cũng khai báo chứng kiến toàn bộ sự việc Công an bắt quả tang H và P đang quan hệ tình dục với N và X tại quán của P tại địa chỉ nêu trên. Ông Trần Công C khai báo: xác nhận mình là người cho P thuê nhà để mở quán kinh doanh tại địa điểm nêu trên nhưng không biết P chứa mại dâm.

Tại bản Cáo trạng số 173/ CT-VKSUB ngày 30 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Vũ Thị P về tội: "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị P phạm tội: "Chứa mại dâm".

(2) Áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 38 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Thị P từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2010/HSST ngày 04/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ của bản án trước là 07 (bẩy) ngày (từ ngày 21/12/2009 đến ngày 27/12/2009) và thời gian tạm giữ của vụ án này là 10 (mười) ngày (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 10/10/2018).

(3) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

(4) Áp dụng: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có; Trả lại cho bị cáo số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) do bán nước mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng bị thu giữ và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 01/10/2018, tại số nhà 350 ở tổ 3, khu Liên Phương, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Vũ Thị P thuê để kinh doanh, P đã bố trí cho Sầm Thị X bán dâm cho Bùi Hữu P, Nguyễn Thị N bán dâm cho Phạm Văn H với giá 250.000đ/người/lượt. Trong lúc hai đôi nam nữ đang quan hệ tình dục thì bị Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng trong phòng của các đối tượng mua, bán dâm và thu của Vũ Thị P số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền do H trả. "Mại dâm" được hiểu là "bán dâm". Vũ Thị P sử dụng nhà do mình trực tiếp quản lý cho X và N (02 người) bán dâm cho H và P mua dâm. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm."*...

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, tác động xấu đến môi trường văn hóa, thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội gây bức xúc trong nhân dân. Tệ nạn mại dâm đã và đang gây nhiều hệ lụy cho xã hội, có nguy cơ lây lan các bệnh xã hội qua đường tình dục và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[5] Năm 2010, bị cáo đã bị Tòa án kết án 05 (năm) năm tù, chưa chấp hành hình phạt, nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015.

Mặc dù kết quả xác minh cho thấy bị cáo chưa chấp hành hình phạt do lỗi của Toà án nhận uỷ thác chưa ra quyết định thi hành án phạt tù, không phải do lỗi của bị cáo.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhân thân xấu, xong thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt. Do bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù của bản án trước nên cần tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015. Thời gian tạm giữ của bản án trước và bản án này được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù chung của cả hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng không còn giá trị cần tịch thu, tiêu huỷ; số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo do phạm tội mà có cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo thu được do kinh doanh hợp pháp mà có nên trả lại cho bị cáo.

[10] Các đối tượng mua, bán dâm nêu trên đã bị Công an thành phố Uông Bí ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị P phạm tội "Chứa mại dâm".

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 38 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Thị P 15 (mười lăm) tháng tù, tổng hợp với hình

phạt 05 (năm) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2010/HSST ngày 04/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ của bản án trước là 07 (bẩy) ngày (từ ngày 21/12/2009 đến ngày 27/12/2009) và thời gian tạm giữ trong vụ án này là 10 (mười) ngày (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 10/10/2018).

3. Căn cứ vào: các điểm a và b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, các điểm a và b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu huỷ: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Vũ Thị P do phạm tội mà có;

- Trả lại cho bị cáo Vũ Thị P số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo thu được do kinh doanh hợp pháp mà có.

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng ngày 04/01/2019 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Thị Phương phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lâm

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)